

LIST HÀNG KHO NGHỆ AN - ĐÔNG HỒI LÔ 34												
Thứ phẩm dạng băng (băng kẽm)												
STT	Mã hàng (Mã Item)	Mã cuộn	Kho	Tên hàng	Dày	Khổ	Khối lượng (kg)			Tổng mét	Phân loại	Ghi chú
							Net	Lỗi	Gross			
1	A01000030	01170218100549200	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	1.17	76	500			714	PP	Băng kẽm
2	A01000030	01170218100759301	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	1.45	95.1	130			112	PP	Băng kẽm
3	A01000030	01170218120050000	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	0.97	177.5	310			226	PP	Băng kẽm
4	A01000030	01170218120050100	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	0.97	97	170			226	PP	Băng kẽm
5	A01000030	01170219010066600	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	1.17	85	366			472	PP	Băng kẽm
6	A01000030	01170219010066700	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	1.17	75	320			472	PP	Băng kẽm
7	A01000030	01170219010066800	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	1.17	85	371			476	PP	Băng kẽm
8	A01000030	01170219010066900	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	1.17	75	323			476	PP	Băng kẽm
9	A01000030	01170219010068200	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	1.17	85	467			602	PP	Băng kẽm
10	A01000030	01170219010068300	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	1.17	75	411			602	PP	Băng kẽm
11	A01000030	01170219010068400	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	1.17	85	416			538	PP	Băng kẽm
12	A01000030	01170219010068500	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	1.17	75	366			538	PP	Băng kẽm
13	A01000030	01170219020054600	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	1.77	40	370			628	PP	Băng kẽm
14	A01000030	01170219020055100	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	1.77	40	370			616	PP	Băng kẽm
15	A01000030	01170219020055600	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	1.77	40	370			622	PP	Băng kẽm
16	A01000030	01170219020056100	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	1.77	40	370			602	PP	Băng kẽm
17	A01000030	01170219020056600	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	1.77	40	380			642	PP	Băng kẽm
18	A01000030	01170219020057100	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	1.77	40	370			622	PP	Băng kẽm
19	A01000030	01170219020057600	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	1.77	40	360			666	PP	Băng kẽm
20	A01000030	01170219020058100	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	1.77	40	340			638	PP	Băng kẽm
21	A01000030	01170219020058600	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	1.77	40	390			642	PP	Băng kẽm
22	A01000030	01170219020059100	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	1.77	40	350			622	PP	Băng kẽm
23	A01000030	01170219020059600	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	1.77	40	330			610	PP	Băng kẽm
24	A01000030	01170219020060100	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	1.77	40	310			590	PP	Băng kẽm
25	A01000030	01170219020060600	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	1.77	40	370			626	PP	Băng kẽm
26	A01000030	01170219020061100	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	1.77	40	350			600	PP	Băng kẽm
27	A01000030	01170219020061700	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	1.77	40	350			620	PP	Băng kẽm
28	A01000030	01170219020062300	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	1.77	40	350			626	PP	Băng kẽm
29	A01000030	01170219020062900	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	1.77	40	340			608	PP	Băng kẽm
30	A01000030	01170219020063500	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	1.77	40	340			602	PP	Băng kẽm
31	A01000030	01170219020064100	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	1.77	40	320			566	PP	Băng kẽm
32	A01000030	01170219020064700	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	1.77	40	340			558	PP	Băng kẽm
33	A01000030	01170219020065300	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	0.70	40	370			620	PP	Băng kẽm
34	A01000030	01170219020065900	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	0.70	40	360			630	PP	Băng kẽm
35	A01000030	01170219020066500	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	0.70	40	350			626	PP	Băng kẽm
36	A01000030	01170219020067100	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	0.70	40	380			624	PP	Băng kẽm
37	A01000030	01170219020067700	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	0.70	40	390			620	PP	Băng kẽm
38	A01000030	01170219020068300	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	0.70	40	380			620	PP	Băng kẽm
39	A01000030	01170219020068900	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	0.70	40	290			460	PP	Băng kẽm
40	A01000030	01170219020104200	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	0.70	150	20			32	PP	Băng lạnh
41	A01000030	01170219020104300	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	0.70	150	20			32	PP	Băng lạnh
42	A01000030	01170219020104400	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	0.70	150	20			32	PP	Băng lạnh
43	A01000030	01170219020104500	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	0.70	150	20			32	PP	Băng lạnh
44	A01000030	01170219020104600	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	0.70	150	20			32	PP	Băng lạnh
45	A01000030	01170219020104700	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	0.70	150	20			32	PP	Băng lạnh
46	A01000030	01170219020104800	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	0.70	150	20			32	PP	Băng lạnh
47	A01000030	01170219020104900	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	0.70	150	20			32	PP	Băng lạnh
48	A01000030	01170219020284504	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	0.30	590	380			272	PP	Băng lạnh
49	A01000030	01170219020296500	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	2.00	180	620			220	PP	Băng kẽm
50	A01000030	01170219020297000	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	2.00	60	280			304	PP	Băng kẽm
51	A01000030	GAZS2N18100001500	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	0.36	201	810			1,520	PP	Băng lạnh
52	A01000030	GAZS2N18100001900	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	0.38	228	270			444	PP	Băng lạnh
53	A01000030	GZNS2N18060000900	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	0.88	150.5	200			200	PP	Băng kẽm
54	A01000030	GZNS2N18060001000	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	0.88	150.5	260			260	PP	Băng kẽm
55	A01000030	GZNS2N18120002000	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	0.81	140	100			100	PP	Băng kẽm
56	A01000030	GZNS2N19010001400	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	0.9	140	1,600			208	PP	Băng kẽm
57	A01000030	01140218110020106.	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	0.37	178	380			786	PP	Băng kẽm
58	A01000030	01140319020057706.	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	0.42	178	800			1,420	PP	Băng kẽm
59	A01000030	01170119030061000	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	1.37	156	1,330			808	PP	Băng kẽm
60	A01000030	01170119030068000	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	1.37	156	1,050			640	PP	Băng kẽm
61	A01000030	01170119030068700	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	1.37	156	1,450			884	PP	Băng kẽm
62	A01000030	01170119030069400	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	1.37	156	1,240			750	PP	Băng kẽm
63	A01000030	01170119030070800	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	1.37	156	1,010			620	PP	Băng kẽm
64	A01000030	01170119030200900	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	0.4	65	310			2,470	PP	Băng kẽm
65	A01000030	01170119030347400	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	0.3	101	27			104	PP	Băng kẽm
66	A01000030	01170119030347500	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	0.3	101	27			104	PP	Băng kẽm
67	A01000030	01170119030347600	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	0.3	101	27			104	PP	Băng kẽm
68	A01000030	01170119030347700	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	0.3	101	27			104	PP	Băng kẽm
69	A01000030	01170119030347800	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	0.3	101	27			104	PP	Băng kẽm
70	A01000030	01170119030347900	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	0.3	101	27			104	PP	Băng kẽm
71	A01000030	01170119030348000	HSDH	Thứ phẩm dạng băng	0.3	101	28			104	PP	Băng kẽm

STT	Mã hàng (Mã Item)	Mã cuộn	Kho	Tên hàng	Đày	Khổ	Khối lượng (kg)			Tổng mét	Phân loại	Ghi chú
							Net	Lỗi	Gross			
72	A01000030	01170119030348100	HSĐH	Thứ phẩm dạng băng	0.3	101	28			104	PP	Băng kèm
73	A01000030	01170119030348200	HSĐH	Thứ phẩm dạng băng	0.3	101	28			104	PP	Băng kèm
74	A01000030	01170119030348300	HSĐH	Thứ phẩm dạng băng	0.3	101	28			104	PP	Băng kèm
75	A01000030	01170119030348400	HSĐH	Thứ phẩm dạng băng	0.3	101	28			104	PP	Băng kèm
76	A01000030	01170119030348500	HSĐH	Thứ phẩm dạng băng	0.3	101	28			104	PP	Băng kèm
77	A01000030	01170119030354801	HSĐH	Thứ phẩm dạng băng	0.3	101	428			1,776	PP	Băng kèm
78	A01000030	01170219040073000	HSĐH	Thứ phẩm dạng băng	1.15	157	1,810			1,304	PP	Băng kèm
79	A01000030	01170219040073600	HSĐH	Thứ phẩm dạng băng	1.15	157	840			590	PP	Băng kèm
80	A01000030	01170219040077200	HSĐH	Thứ phẩm dạng băng	0.97	157.5	410			342	PP	Băng kèm
81	A01000030	01170219040384200	HSĐH	Thứ phẩm dạng băng	1.97	38	310			520	PP	Băng kèm
82	A01000030	01170219040384800	HSĐH	Thứ phẩm dạng băng	1.97	38	320			516	PP	Băng kèm
83	A01000030	01170219050527800	HSĐH	Thứ phẩm dạng băng	1.37	237	540			220	PP	Băng kèm
84	A01000030	01170119020137708	HSĐH	Thứ phẩm dạng băng	0.3	590	100			100	PP	Băng kèm
85	A01000030	01170119020137808	HSĐH	Thứ phẩm dạng băng	0.3	590	100			100	PP	Băng kèm
86	A01000030	01170119020141108	HSĐH	Thứ phẩm dạng băng	0.3	590	290			290	PP	Băng kèm
87	A01000030	01170119020141408	HSĐH	Thứ phẩm dạng băng	0.3	590	370			370	PP	Băng kèm
88	A01000030	01170119020141409	HSĐH	Thứ phẩm dạng băng	0.3	590	460			460	PP	Băng kèm
89	A01000030	01170219020279208	HSĐH	Thứ phẩm dạng băng	0.3	590	210			210	PP	Băng kèm
90	A01000030	01170219020279308	HSĐH	Thứ phẩm dạng băng	0.3	590	210			210	PP	Băng kèm
91	A01000030	01170219020279408	HSĐH	Thứ phẩm dạng băng	0.3	590	260			260	PP	Băng kèm
92	A01000030	01170219020279608	HSĐH	Thứ phẩm dạng băng	0.3	590	150			150	PP	Băng kèm
93	A01000030	01170219020279708	HSĐH	Thứ phẩm dạng băng	0.3	590	150			150	PP	Băng kèm
94	A01000030	01170219020284508	HSĐH	Thứ phẩm dạng băng	0.3	590	390			390	PP	Băng kèm
Tổng cộng							33,668	-	-	43,328		